

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 828/2017/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 12 - 2017
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông

2. Bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 588/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 409/2017/QĐXX-ST ngày 04 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2017/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Minh H, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 2, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn N, sinh năm 1982; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 3, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 8 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị Minh Huyền trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị Minh H kết hôn với anh Đỗ Văn N trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 15 tháng 12 năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất, vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau

trong tình cảm nên thường xảy ra cãi vã lẫn nhau. Ngoài ra, anh N mãi chơi, không quan tâm chăm lo gia đình chị H đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N không nghe mà còn chửi mắng và đánh chị H. Do mâu thuẫn, anh N đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn 3, xã K, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nhiều lần, lần cuối cùng là vào năm 2016 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh N đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị H khai chị và anh Đỗ Văn N có 02 con chung là: Đỗ Xuân T, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2007 và Đỗ Xuân M, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2009. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H khai chị và anh N tự thỏa thuận giao nhận với nhau nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H khai chị và anh Đỗ Văn N không có tài sản chung nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đỗ Văn N đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác do Tòa án tổng đạt nhưng đến ngày mở phiên tòa, anh N vẫn không có mặt để trình bày ý kiến về việc chị H xin ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, tài liệu điều tra có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trịnh Thị Minh H và anh Đỗ Văn N được ly hôn. Về con chung: Chị H, anh N có hai con chung là Đỗ Xuân T, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2007 và Đỗ Xuân M, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2009. Khi ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi hai con chung Đỗ Xuân T và Đỗ Xuân M. Các con chung là Đỗ Xuân T và Đỗ Xuân M đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình xử giao cho chị H trực tiếp nuôi hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung chị H không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Đỗ Văn N đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đỗ Văn N.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trịnh Thị Minh H và anh Đỗ Văn N là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất, vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau trong quan hệ tình cảm và trong làm ăn kinh tế dẫn đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng H, anh N đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, do mâu thuẫn anh N đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn 3, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng ăn ở sinh sống từ năm 2016 và sống ly thân với chị H từ đó đến nay. Mặt khác, anh N hiện vẫn có mặt tại địa phương và biết rõ chị H xin ly hôn. Tòa án đã triệu tập anh N nhiều lần nhưng anh N vẫn vắng mặt thể hiện anh N không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị Minh H và anh Đỗ Văn N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Trịnh Thị Minh H được ly hôn anh Đỗ Văn N.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Thị Minh H và anh Đỗ Văn N có 02 con chung là Đỗ Xuân T, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2007 và Đỗ Xuân M, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2009. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung Đỗ Xuân T và Đỗ Xuân M. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Xét từ khi sống ly thân đến nay, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt. Các con chung là Đỗ Xuân T và Đỗ Xuân M đều có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, có thể giao cho chị Trịnh Thị Minh H được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Đỗ Xuân T, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2007 và Đỗ Xuân M, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2009 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị H khai để chị và anh N tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị Minh H khai chị và anh Đỗ Văn N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác, chưa có lời khai của anh N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trịnh Thị Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị Minh H và anh Đỗ Văn N.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Trịnh Thị Minh H trực tiếp nuôi hai con chung là Đỗ Xuân T, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2007 và Đỗ Xuân M, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2009 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trịnh Thị Minh H và anh Đỗ Văn N tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về án phí:* Chị Trịnh Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 00005741 ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, chị Trịnh Thị Minh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trịnh Thị Minh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao cho anh Đỗ Văn N hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã M, huyện T;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Anh

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 45 phút, ngày 27 tháng 12 năm 2017

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông

2. Bà Nguyễn Thị Vân

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 621/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trịnh Thị Minh Huyền, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 2, xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Đỗ Văn Ngàn, sinh năm 1982; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 3, xã Kỳ Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị Minh Huyền và anh Đỗ Văn Ngàn.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Trịnh Thị Minh Huyền trực tiếp nuôi hai con chung là Đỗ Xuân Triệu, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2007 và Đỗ Xuân Mai, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2009 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trịnh Thị Minh Huyền và anh Đỗ Văn Ngàn tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về án phí*: Chị Trịnh Thị Minh Huyền phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 00005741

ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, chị Trịnh Thị Minh Huyền đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trịnh Thị Minh Huyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Văn Ngàn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho anh Ngàn hoặc được niêm yết.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 12 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông - Nguyễn Thị Vân

Lương Ngọc Anh